

Bản án số: 05/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 22/3/2021
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đới Văn Trinh.
2. Ông Phạm Phúc Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 2 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969.

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư V 2, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1965.

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư V 2, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày: bà và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 2/12/1987 tại UBND xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương nhưng không giữ được giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T thường xuyên uống rượu, dẫn đến chửi bới và đánh đập bà. Năm 2014, bà đã về nhà em trai của mình ở phường V sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng

sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông T

Về con chung: Ông bà có 2 con chung là Đặng Văn M, sinh ngày 27/9/1988 và Đặng Thị Phương T, sinh ngày 03/8/1993. Cả hai đều đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: ông bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là ông Đặng Văn T trình bày: ông và bà Th kết hôn và có đăng ký tại UBND xã V vào năm 1987, nhưng không nhớ cụ thể thời gian. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Th không trung thực trong kinh tế, có vay nợ nhưng không trao đổi, bàn bạc gì với ông. Khi ông biết chuyện thì vợ chồng cãi nhau, xúc phạm nhau. Bà Th sống ly thân với ông từ năm 2014 đến nay, không quan tâm đến ông nữa. Mặc dù vợ chồng sống ly thân lâu nhưng do vợ chồng đã lớn tuổi, các con đều có gia đình riêng nên không muốn vợ chồng phải ly hôn.

Đại diện chính quyền khu dân cư V2, phường V xác định ông T và bà Th đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau, dẫn đến cãi nhau. Ông bà có 2 con chung đều đã lớn và lập gia đình riêng.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Th và ông Đặng Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 2 con chung là Đặng Văn M, sinh ngày 27/9/1988 và Đặng Thị Phương T, sinh ngày 03/8/1993. Cả hai đều đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với ông Đặng Văn T có địa chỉ thường trú tại phường V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của bà Th và ông T thì năm 1987, ông bà kết hôn và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương nhưng không lưu giữ được đăng ký kết hôn. Ông bà cũng không nhớ chính xác thời gian cũng như trình tự đăng ký kết hôn cụ thể như thế nào. Xác minh tại UBND phường V, thành phố C thể hiện: hồ sơ lưu trữ và sổ đăng ký kết hôn từ năm 1989 trở về trước bị thất lạc nên không thể khẳng định việc bà Th ông T có đăng ký kết hôn hay không. Qua tra cứu sổ đăng ký kết hôn còn lưu tại UBND phường Văn Đức thời gian từ năm 1989 đến nay, không thể hiện có việc đăng ký kết hôn giữa bà Thu và ông Toan. Phòng Tư pháp UBND thành phố Chí Linh cũng xác định tại Phòng không còn lưu trữ sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1987. Như vậy có căn cứ xác định bà Th và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định và kể từ đó đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 9-6-2000 của Quốc hội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa bà T và ông T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, bà Th xin ly hôn ông T, Tòa án sẽ tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: bà Thu và ông Toan có 2 con chung là Đặng Văn M, sinh ngày 27/9/1988 và Đặng Thị Phương T, sinh ngày 03/8/1993. Cả hai đều đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng nên Tòa án không xem xét

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Bà Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Xử: không công nhận bà Nguyễn Thị Th và ông Đặng Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Đặng Văn M, sinh ngày 27/9/1988 và Đặng Thị Phương T, sinh ngày 03/8/1993. Cả hai đều đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006629 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, bà Th đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường V, TP C;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà